

Số: **1207** /GPMT-UBND

Cao Bằng, ngày **23** tháng 9 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 334/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
được chuẩn hóa và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
trong lĩnh vực môi trường, khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản
lý nhà nước của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng;

Xét đề nghị của Trung tâm Quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng khu
kinh tế tại Văn bản số 309/TTQL&KT-QLHT ngày 20 tháng 9 năm 2023; Văn
bản số 301/TTQL&KT-QLHT ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc cấp giấy phép
môi trường của Công trình cấp nước sạch thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa,
tỉnh Cao Bằng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
3249/TTr-STNMT ngày 28 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng
khu kinh tế trực thuộc Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng, địa chỉ tại số
058, phố Hồng Việt, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng được thực hiện
các hoạt động bảo vệ môi trường của Công trình cấp nước sạch thị trấn Tà
Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng tại thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng

Hòa, tỉnh Cao Bằng với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở.

1.1. Tên cơ sở: Công trình cấp nước sạch thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

1.3. Quyết định số 2256/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Trung tâm Quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng khu kinh tế, trực thuộc Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng.

1.4. Mã số thuế: 4800745866.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất nước sạch.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất.

- Phạm vi công trình: Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng. Tổng diện tích khoảng 9.845 m²:

- Khu vực thu nước đầu nguồn:

+ Phía Đông giáp: Cánh đồng xóm Nà Thắm.

+ Phía Tây giáp: Đất trồng mía.

+ Phía Bắc giáp: Đường mòn khu vực.

+ Phía Nam giáp: Đất trồng mía.

- Công trình cấp nước:

+ Phía Đông giáp: Chùa Trúc Lâm.

+ Phía Tây giáp: Vĩa hè đường nhánh.

+ Phía Bắc giáp: Đất còn lại của lô số 25.

+ Phía Nam giáp: Vĩa hè đường nhánh.

- Quy mô: Dự án thuộc nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất dự án:

+ Công suất lớn nhất là 730.000 m³/năm tương đương 2.000 m³/ngày đêm.

- Công nghệ sản xuất: Nước suối Nặm Khao → Công trình thu nước đầu vào → Tuyến ống dẫn nước thô D250 → Bể lắng ngang + Bể lọc tiếp xúc (Hộp khối) → Đường ống dẫn nước D200 (Châm javen khử trùng vào đường ống dẫn nước) → Bể chứa nước sạch, dung tích 1.000m³ → Test lượng clo dư có trong nước đã xử lý → Trạm bơm cấp II → Bể áp lực, dung tích 600m³ →

Mạng lưới phân phối.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo.

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với bụi, khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn tiếng ồn, độ rung và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Trung tâm Quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng khu kinh tế:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng khu kinh tế có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: 10 năm (từ ngày 23 tháng 9 năm 2024 đến ngày 23 tháng 9 năm 2034).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Quảng Hòa tổ

chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Công trình được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng khu kinh tế (Chủ dự án);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Quảng Hoà;
- UBND thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hoà;
- Trung tâm dịch vụ Hành chính công;
- Trung tâm thông tin tỉnh (đăng tải);
- Lưu: VT, CN_(TH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thạch

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1207/GPMT-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng) Giang

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI.

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn thải số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của công nhân, người lao động làm việc tại cơ sở, lưu lượng khoảng 01 m³/ngày đêm.
- Nguồn thải số 02: Nước thải sản xuất phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy là nước sục rửa bể lắng lọc, lưu lượng khoảng 22 m³/ngày đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt của công nhân, người lao động.

2.1.1 Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại chảy vào rãnh thoát nước chung thị trấn rồi chảy vào sông Bằng Giang đoạn chảy qua thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

2.1.2. Vị trí xả nước thải.

- Vị trí cửa xả số 01: Cửa xả rãnh thoát nước của Công trình phía trước nhà điều hành.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m): 2487439; Y(m): 0584889 (sử dụng hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45' múi chiều 3⁰).

2.1.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 01 m³/ngày đêm, tương đương 0,04 m³/giờ.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: Xả thải gián đoạn, phụ thuộc vào nhu cầu sinh hoạt của cán bộ công nhân tại Công trình.

- Chất lượng nước thải trước khi thải vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về

môi trường của QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B), cụ thể như sau:

STT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ
			QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)	
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

2.2. Dòng thải số 02: Nước thải sản xuất.

2.2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải phát sinh được xử lý bằng bể lắng, chảy vào hệ thống thoát nước chung thị trấn, chảy vào sông Bằng Giang đoạn chảy qua thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

2.2.2 Vị trí xả nước thải.

- Vị trí của xả số 2: Cửa xả điểm cuối rãnh thoát nước sau nhà hóa chất.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X(m): 2487516; Y(m): 0584864 (sử dụng hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45' múi chiều 3⁰).

2.2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 22 m³/ngày đêm, tương đương 0,92 m³/giờ.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Xả thải gián đoạn, phụ thuộc vào tình hình hoạt động của Công trình.

- Chất lượng nước thải trước khi thải vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn quốc gia về môi trường của QCVN 40:2011/BTNMT-Quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5,5-9	- Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ; - Chủ dự án tự đề xuất quan trắc với tần suất: 02 lần/năm.
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	COD	mg/l	150	
4	TSS	mg/l	100	
5	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	10	
6	Tổng P	mg/l	6	
7	Xyanua (CN ⁻)	mg/l	0,5	
8	Florua (F ⁻)	mg/l	1,5	
9	Asen (As)	mg/l	0,1	
10	Cadimi (Cd)	mg/l	0,1	
11	Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,001	
12	Chì (Pb)	mg/l	0,5	
13	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	1000	
14	Clo dư	mg/l	-	
15	Sắt (Fe)	mg/l	5	
16	Kẽm (Zn)	mg/l	3	
17	Crom VI (Cr ⁶)	mg/l	0,1	
18	Coliform	MPN/100L	5000	

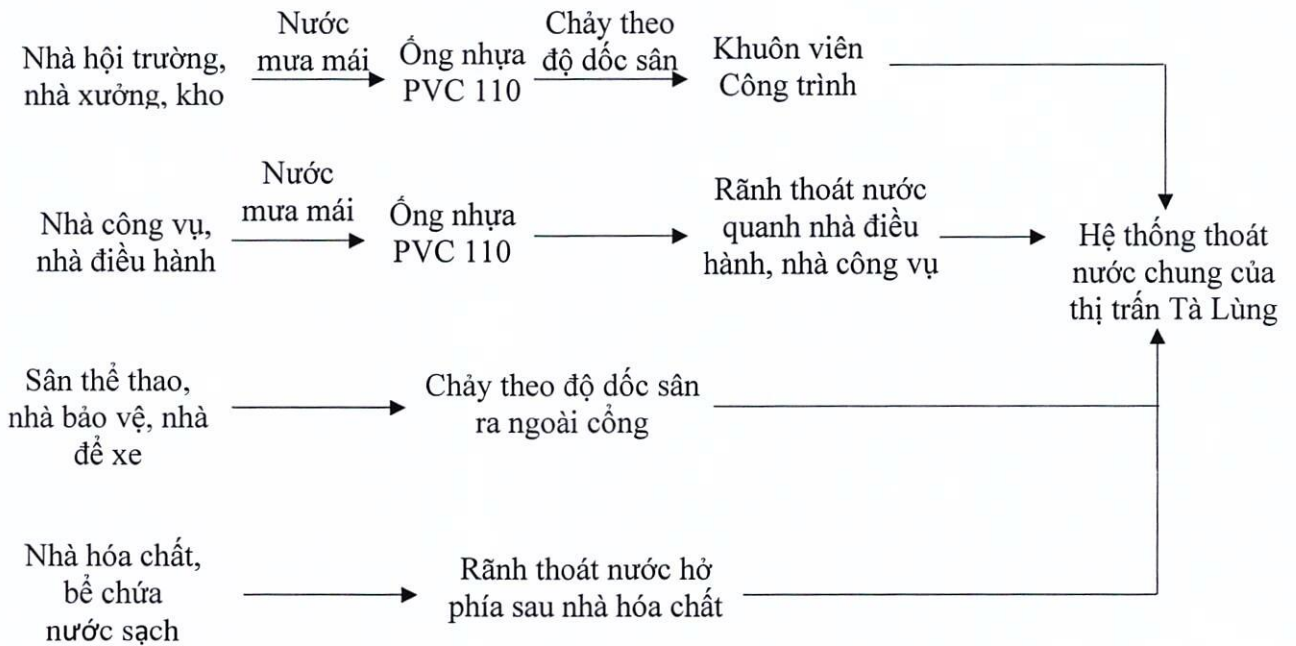
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI.

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa chảy tràn, nước thải.

a) Thu gom, thoát nước mưa:

- Sơ đồ mạng lưới thu gom, thoát nước mưa:



- *Thuyết minh quy trình sơ đồ thu gom:*

+ Tại khu vực nhà hội trường, nhà xưởng, kho: Nước mái được thu gom bằng ống nhựa PVC D110, chảy tràn ra khuôn viên Công trình, chảy theo độ dốc sân; sau đó, thoát ra hệ thống thoát nước chung của thị trấn Tà Lùng.

+ Tại khu vực nhà công vụ, nhà điều hành: Được thu gom bằng ống nhựa PVC D110, thu gom vào rãnh thoát nước bố trí xung quanh nhà điều hành, nhà công vụ, chảy vào hệ thống thoát nước chung của thị trấn Tà Lùng.

+ Tại sân thể thao, nhà bảo vệ, nhà để xe, nhà hóa chất, bể chứa nước sạch: Nước mưa chảy theo độ dốc sân ra ngoài cổng chảy vào hệ thống thoát nước chung của thị trấn Tà Lùng.

+ Tại khu vực nhà hóa chất, bể chứa nước sạch: Được thu gom vào rãnh thoát nước hồ phía sau nhà hóa chất, giáp tường rào công trình, chảy vào hệ thống thoát nước chung của thị trấn Tà Lùng.

b) *Thu gom, thoát nước thải:*

* *Nước thải sinh hoạt:*

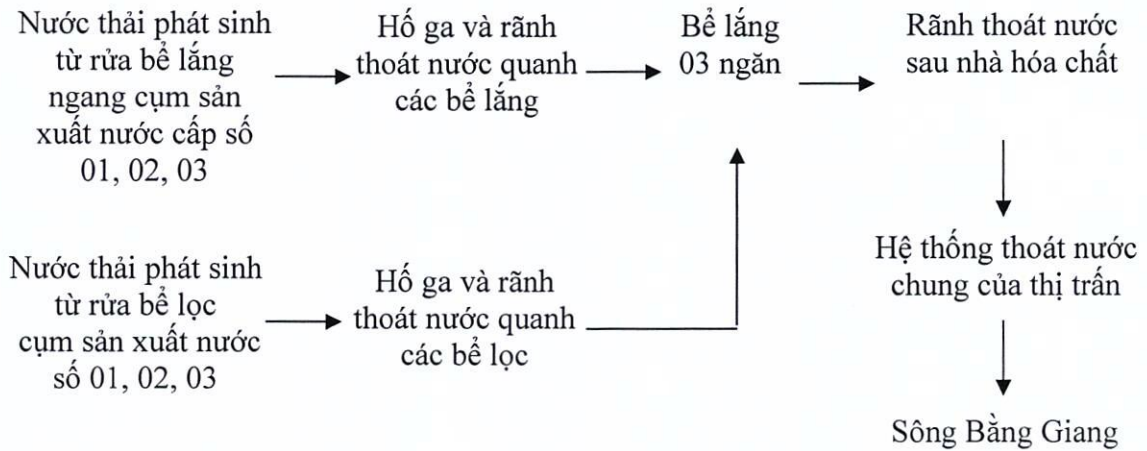
- Sơ đồ mạng lưới thu gom: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại → Rãnh thoát nước quanh dãy nhà công vụ → hệ thống thoát nước chung của thị trấn → Sông Bằng Giang.

- *Thuyết minh sơ đồ thu gom:*

Công nhân, người lao động sử dụng 07 nhà vệ sinh, nước thải được thu gom, xử lý bằng 04 bể tự hoại, bố trí tại khu vực nhà công vụ; nước thải từ bể tự hoại chảy vào rãnh thoát nước mặt xung quanh nhà điều hành, nhà công vụ, dẫn vào hệ thống thu gom nước mặt của thị trấn Tà Lùng.

** Nước thải sản xuất:*

- Sơ đồ thu gom, thoát nước thải sản xuất:



- Thuyết minh sơ đồ thu gom nước thải:

Nước thải phát sinh từ hoạt động rửa bể lắng ngang của Cụm sản xuất nước số (01,02) được thu gom bằng đường ống D200 chảy vào bể lắng 03 ngăn. Nước thải phát sinh từ rửa bể lọc của Cụm sản xuất nước (số 01, số 02) được thu gom vào hệ thống rãnh xung quanh các bể lọc, chảy vào bể lắng 03 ngăn. Nước thải từ hoạt động rửa (bể lắng ngang, bể lọc) của Cụm sản xuất nước số 03 được thu gom vào rãnh hai bên của bể rồi chảy lần lượt qua từng ngăn của bể lắng 03 ngăn. Sau đó, nước thải từ bể lắng 03 ngăn chảy vào rãnh thoát nước ở phía sau nhà hóa chất, giáp tường rào công trình, chảy vào hệ thống thoát nước chung của thị trấn Tà Lùng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

a) Công trình xử lý nước mưa chảy tràn:

- Công trình: Bố trí 02 rãnh thoát nước, trong đó: (1) Rãnh thoát nước bố trí xung quanh Nhà công vụ, nhà điều hành, chiều dài khoảng 95,1m, kích thước (rộng x sâu) = (0,3 x 0,25)m; (2) Rãnh thoát nước dọc tường rào, đằng sau nhà hóa chất, chiều dài 71,6 m kích thước (rộng x sâu) = (0,3 x 0,4)m.

- Quy trình: Nước mưa trên mái được thu gom bằng ống nhựa PVC D110, một phần được thu gom vào rãnh thoát nước dài khoảng 95,1m, lắng trong quá trình chảy vào hệ thống thoát nước chung của thị trấn Tà Lùng, phần còn lại chảy theo độ dốc, vào rãnh thoát nước chung. Cử công nhân thường xuyên tổng vệ sinh công trình; định kỳ, tiến hành nạo vét rãnh thoát nước đảm bảo tiêu thoát tốt và chất thải phát sinh là bùn, cặn được đơn vị xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

b) Nước thải sinh hoạt.

- Công trình: 07 nhà vệ sinh với 04 bể tự hoại, chia 03 ngăn, tổng dung tích là 14,6 m³, tương ứng mỗi bể 3,65 m³.

- Quy trình công nghệ: Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại (Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc) → Ống nhựa → rãnh thu gom nước mặt → rãnh thoát nước thị trấn Tà Lùng.

- Thuyết minh quy trình: Nước thải được dẫn vào bể tự hoại để xử lý, bể tự hoại là công trình thực hiện đồng thời chức năng lắng và phân hủy cặn lắng, tại ngăn 01 của bể tự hoại diễn ra quá trình lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong nước thải. Sau đó, nước thải chảy qua ngăn 02 tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể, trong điều kiện kỵ khí các chất hữu cơ được các vi sinh vật phân hủy và chuyển hóa. Nước thải chuyển sang ngăn 03 là ngăn lọc được thoát ra theo đường ống chảy vào rãnh thoát nước và chảy ra rãnh thoát nước của thị trấn Tà Lùng.

- Hóa chất sử dụng: Chế phẩm vi sinh, liều lượng sử dụng 06 tháng/lần.

c) Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất.

- Công trình: 01 bể lắng 03 ngăn tổng thể tích khoảng 204m^3 kích thước (dài x rộng x sâu) = $(17 \times 8 \times 1,5)$ m, trong đó: Ngăn số 1, kích thước (dài x rộng x sâu) = $(7,2 \times 5,1 \times 1,5)\text{m}$; ngăn số 2, kích thước (dài x rộng x sâu) = $(7,2 \times 5,2 \times 1,5)\text{m}$; ngăn số 3, kích thước (dài x rộng x sâu) = $(7,2 \times 5,1 \times 1,5)\text{m}$. Rãnh thoát nước, kích thước (dài x rộng x sâu) = $(3,8 \times 0,4 \times 0,35)\text{m}$.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất → Rãnh thoát nước quanh các bể lắng, lọc → Bể lắng 03 ngăn → Rãnh thoát nước sau nhà hóa chất → Hệ thống thu gom nước thải của thị trấn → Sông Bằng Giang.

- Thuyết minh quy trình: Nước thải phát sinh từ quá trình sục rửa định kỳ bể lắng, bể lọc trong Cụm sản xuất nước có thành phần chủ yếu bùn đất, chất lơ lửng được thu gom vào bể lắng 03 ngăn. Tại đây, diễn ra quá trình lắng bùn cặn theo cơ chế tự lắng, bùn và nước sẽ được tách lớp nhờ vào tác động của trọng lực, thời gian lắng từ 1-3 giờ, nước thải được chảy lần lượt qua các ngăn của bể, lưu chứa tại ngăn thứ 03, nước thải tràn vào đoạn rãnh thoát dài khoảng 3,8m, kích thước (rộng x sâu) = $(0,4 \times 0,35)\text{m}$, chảy qua đồng hồ đo nước thải, tiếp tục chảy vào rãnh thoát nước ở phía sau nhà hóa chất, thoát nước chung của thị trấn Tà Lùng.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý: $0,92 \text{ m}^3/\text{giờ}$ (24 giờ).

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Rãnh thoát nước chung của thị trấn Tà Lùng, chảy ra Sông Bằng Giang.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ, nạo vét hệ thống mương rãnh thoát nước, bể lắng để tăng khả năng thoát nước, lắng. Chất thải phát sinh được thu gom, xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt.

- Thường xuyên theo dõi các công trình môi trường, trường hợp phát hiện hiện tượng hư hỏng, kịp thời sửa chữa; thu gom chất trôi nổi trên bề mặt của bể lắng để thu gom, xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng, bắt đầu sau khi được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải vận hành thử nghiệm: Bể tự hoại, hệ thống xử lý nước thải.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Vị trí số 01: Rãnh thoát nước sau nhà bếp của dãy nhà công vụ. Tọa độ vị trí lấy mẫu: X(m): 2487456; Y(m): 0584946 (sử dụng hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105045' múi chiều 30).

- Vị trí số 02: Cửa xả của rãnh thoát nước sau nhà hóa chất (cửa xả số 02). trước khi chảy vào hệ thống thoát nước chung của thị trấn Tà Lùng. Tọa độ vị trí lấy mẫu: X(m): 24 87 516; Y(m): 05 84 864 (sử dụng hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45' múi chiều 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

- Vị trí số 01: Lấy 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải sinh hoạt theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vị trí số 02: Lấy 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải sản xuất theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của công trình đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm quy định tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận

hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

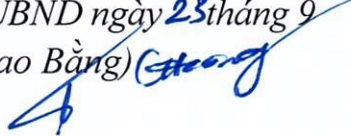
3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp, có thay đổi Kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải. Trong trường hợp rò rỉ hóa chất có thể quan sát bằng mắt thường và chủ yếu là rò rỉ ra sàn nhà, cán bộ sẽ xử lý sự cố bằng cách cô lập khu vực bị rò rỉ, tràn hóa chất, làm sạch bề mặt.

3.5. Thực hiện nghiêm túc đầy đủ chương trình quan trắc, giám sát môi trường định kỳ quy định tại mục 2.2, Phần A Phụ lục này.

3.6. Chủ dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm, nếu nước thải của công trình xả ra ngoài môi trường không đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của Quy chuẩn Việt Nam về môi trường.

Phụ lục 2
YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1208/GPMT-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng) 

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (không có nguồn khí thải, bụi xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

- Lượng bụi, khí thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án, vận chuyển hóa chất xử lý nước. Lượng bụi đường này là lượng bụi phân tán, bụi nặng, tro, dễ lắng đọng.

- Để thực hiện giảm thiểu lượng bụi phát tán vào môi trường trong khuôn viên nhà máy, công nhân vận hành nhà máy thường xuyên quét dọn vệ sinh các khu vực, dùng hệ thống đường ống nhựa mềm để tưới nước trên mặt bằng sân công trình.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ~~1207~~/GPMT-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG.**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn phát sinh: Tiếng ồn và độ rung tại cơ sở phát sinh chủ yếu từ các hoạt động của các loại máy bơm; hoạt động của các phương tiện ra vào nhà máy.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Trong khuôn viên Công trình cấp nước sạch thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng.

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Trong quá trình hoạt động, cán bộ vận hành nhà máy thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, tra dầu mỡ vào hệ thống máy bơm để máy bơm hoạt động tốt, hạn chế tiếng ồn, độ rung.

- Lựa chọn các thiết bị có tiếng ồn thấp; kiểm tra sự cân bằng của các máy

móc thiết bị khi lắp đặt. Kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bôi trơn máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.
- Định kỳ, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho nhân viên vận hành công trình cấp nước sạch theo quy định.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1207/GPMT-UBND ngày 23 tháng 9
năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:**

TT	Loại CTNH	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bao bì đựng hóa chất (can nhựa hỏng)	18 01 03	2
Tổng			2

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Mã chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Bùn thải bể lắng 03 ngăn	12 10 02	0,2
Tổng khối lượng			0,2

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	2,19
Tổng khối lượng		2,19

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* Đặt tại kho hóa chất trong khuôn viên cơ sở, diện tích 28 m² bảo đảm sạch sẽ, khô ráo, an toàn.

2.1.2. *Kho lưu chứa:*

Các can nhựa đựng hóa chất hỏng sau khi sử dụng được lưu trữ tại nhà hóa chất, kết cấu: Móng và tường nhà hóa chất xây bằng gạch chỉ mac 75, VXM

mac 75; kích thước (dài x rộng) = (7x4)m, diện tích 28m²; định kỳ, 01 lần/năm. đơn vị sẽ hợp đồng với đơn vị đủ năng lực để thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Trước khi tiến hành nạo vét bùn, Chủ cơ sở bơm nước ra rãnh thoát nước, phân bùn cạn sử dụng để bón cây trong khuôn viên Công trình hoặc vận chuyển, xử lý cùng chất thải rắn sinh hoạt.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 02 thùng rác, thể tích 240 lít/thùng.

2.3.2. Khu vực lưu giữ: 01 thùng đặt tại khu vực sân gần nhà hội trường; 01 thùng rác thể tích 240 lít/thùng đặt tại khu vực cụm xử lý nước của nhà máy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1207/GPMT-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng) Đương

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Trung tâm Quản lý và khai thác dịch vụ hạ tầng khu kinh tế thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Cam kết và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các số liệu sử dụng của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của công trình.

- Cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành cho đến khi cơ sở kết thúc hoạt động. Trường hợp, có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh. Thực hiện phân loại rác thải trong quá trình hoạt động, giảm thiểu khối lượng chất thải rắn cần phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Cam kết không xả nước thải chưa đạt quy chuẩn hiện hành ra ngoài môi trường dưới bất kỳ hình thức nào. Trường hợp có bất kỳ thông số nào không đạt quy chuẩn theo quy định thì ngừng ngay việc xả nước thải để khắc phục; Thực hiện quan trắc, giám sát hoạt động xả nước thải theo quy định.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Thực hiện Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định; thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và các công trình biện pháp bảo vệ môi trường như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường thanh tra, kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật./.